TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST Ngày 17 tháng 5 năm 2024 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chương; Ông Đặng Song Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 835/2024/TLST-HNGĐ ngày 07-12-2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07-4-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐ-HPT ngày 17-4-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số E đường K, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Hà Trung N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh C trình bày:

Chị C và anh Nghĩa là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 24-12-2021, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà mẹ chị C tại số E đường K, Phường D, thành phố V, khi chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh N đánh chị C, có những lời lẽ không tôn trọng. Cả hai cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng sống

ly thân từ năm 2023 đến nay không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Nay chị C không còn tình cảm với anh N, nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C và anh N được ly hôn.

Về con chung: Chị C và anh N không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn là anh Hà Trung N: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N đến Tòa án làm việc nhưng anh N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh N tại Công an phường T, thành phố V thì anh N có đăng ký thường trú tại số A đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng không thực tế sinh sống tại địa chỉ này. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh N theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định giữa chị C và anh N có mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị C không còn tình cảm với anh N. Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị C và anh N được ly hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị C khởi kiện về "Ly hôn" với bị đơn anh Hà Trung N, địa chỉ số A đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có quan hệ pháp luật là "Ly hôn" nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 24-12-2021, kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Chị C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Chị C không còn tình cảm với anh N.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh N vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh N. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 14-3-2024 có nội dung: Chị C và anh N không chung sống với nhau, vợ chồng không có con chung. Như vậy, chị C trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân là có thật. Từ đó thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị C và anh N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và nay chị C không còn tình cảm với anh N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị C và anh N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầugiải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh C và anh Hà Trung N ly hôn.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quỳnh C phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002322 ngày 07-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- UBND P.Thắng Nhì, Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phượng